

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST

Ngày: 11-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Xuân

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đinh Văn S (Tên gọi khác: S đen), sinh ngày 07 tháng 4 năm 1993, tại Phổ Yên, Thái Nguyên. Nơi cư trú: thôn G, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe máy; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Hre; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn T và bà Trần Thị H; Vợ, con chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: ngày 08/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 08 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Ngày 11/02/2015 bị Công an huyện B xử phạt 2.000.000đ về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác (có mặt).

- Người B chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân P, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, là người B chữa cho bị cáo

Đinh Văn S, theo Quyết định số 12/QĐ-TGPL ngày 02/02/2018 của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

- *Người bị hại*: Phạm Văn B- sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, Quảng Ngãi (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn 1, Thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. (vắng mặt).

2. Anh A T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn 1, Thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: anh Trần Văn S1, sinh năm 1993; Nơi cư trú: thôn G, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt).

- *Người phiên dịch*: Ông Phạm Văn H, cán bộ Ủy ban nhân dân xã C, huyện B (*phiên dịch tiếng Hre cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa*); (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 15/9/2017, Đinh Văn S gọi điện thoại rủ Trần Văn S1 và Phạm Văn B đến nhà ông Doãn Văn D ở thôn N, xã V, huyện B nhậu, tuy nhiên B không đi mà chỉ có S1 đi với S. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày, trong khi S đang nhậu tại nhà D thì có T ở thành phố K, tỉnh Kon Tum (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) gọi điện thoại cho S đòi nợ do trước đây S đã mượn của T 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), S nói với T là để một, hai ngày nữa S trả. Một lúc sau, S nảy sinh ý định mượn xe mô tô của Phạm Văn B để đi cầm cố lấy tiền trả nợ.

Để thực hiện ý định của mình, khoảng 14 giờ cùng ngày S đã nhờ Trần Văn S1 chở S vào trụ sở Dân quân xã V ở thôn V, xã V, huyện B rủ B đi nhậu, vì đang bận nên B không đi nên S đã rủ Sao đến quán ông Lê Duy T ở gần trụ sở Dân quân xã V nhậu. Tại đây, S đã gọi 01 thùng bia chai Sài Gòn và 01 đĩa mồi ra nhậu. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, S dùng điện thoại của Trần Anh S1 tiếp tục gọi điện thoại rủ Phạm Văn B ra quán của ông Lê Duy T nhậu thì B đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 76K1-099.05 nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu S: Đỏ - Đen đến dừng trước quán đồng thời để luôn chìa khóa trên xe rồi vào quán nhậu cùng S

và S1. Sau khi nhậu cùng B được khoảng 15 phút thì Đinh Văn S đứng lên đưa cho S1 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và bảo S1 chút nữa tính tiền bia và mời rồi S đi ra ngồi lên xe mô tô của Phạm Văn B định điều khiển xe đi thì B hỏi S “đi đâu?”, S trả lời “đi lấy đồ tí”, B hỏi tiếp “đi bao lâu?”, thì S trả lời “khoảng 10 phút”, sau đó B không nói gì nữa mà đồng ý để S mượn xe đi. Sau khi mượn được xe mô tô của B, S đã điều khiển xe đi về hướng tỉnh Kon Tum, trên đường đi đến địa phận xã Ê, huyện K, Kon Tum thì B gọi điện thoại hỏi S “đi đâu mà lâu vậy?”, S trả lời B là “đang đi lấy nợ ở xã T” rồi tiếp tục điều khiển xe của B đến xã H, huyện K, tỉnh Kon Tum. Tại đây, B tiếp tục gọi điện thoại hỏi S thì S trả lời “đang chờ lấy nợ”, một lúc sau Trần Văn S1 gọi điện thoại hỏi S “Mày lấy xe của thằng B đi đâu mà lâu vậy?” thì S tiếp tục trả lời là “đang chờ lấy nợ, sắp về rồi”. Sau đó, S ngủ tại thôn 2, xã H, huyện K.

Đến ngày 16/9/2017, khi S đang ở xã H thì B tiếp tục gọi điện thoại hỏi S, S trả lời là “Tôi qua bị dân đánh nên xe bị Công an xã T giữ rồi, giờ đang chờ lấy xe về”. Đến trưa cùng ngày, B tiếp tục gọi điện thoại cho S đòi xe thì S trả lời “đang về”, sau đó S tắt nguồn điện thoại để B không gọi được nữa. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, S điều khiển xe mô tô BKS 76K1-099.05 đến nhà A T ở thôn 1, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum uống rượu. Sau khi uống rượu xong, S nói với A T là S có chiếc xe (xe mô tô BKS 76K1-099.05) của em S và muốn cầm cố lấy tiền vì gia đình đang có việc, nếu A T có 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thì đưa cho S rồi lấy xe nhưng A T nói không có. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, S nhờ A T dẫn đi cầm cố chiếc xe mô tô nói trên giúp thì A T đồng ý và đưa S đến nhà bà Trần Thị N ở gần nhà A T, khi đến nơi bà N hỏi S là “xe của ai?” thì S nói với bà N là “xe của ông già (cha) S”, bà Nhung hỏi S “giấy chứng minh nhân dân đâu?” thì S nói “bỏ quên ở nhà”, nghe vậy bà N không đồng ý cầm chiếc xe nói trên, lúc này S đã nhờ A T đưa giấy chứng minh và đứng ra bảo lãnh cho S cầm cố chiếc xe mô tô trên thì bà N mới đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 76K1-099.05 với số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Sau khi lấy được tiền, S đã cho vợ, chồng A T mỗi người 100.000đ (Một trăm ngàn đồng). Sau đó, S nhờ A T chở ra đường QL24 đón xe khách đi thành phố K và hẹn gặp T tại bến xe để trả nợ cho T 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng), còn lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) S tiêu xài hết.

Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Ba Tư kết luận tài sản có giá trị tại thời điểm bị xâm hại như sau: 01 (một) xe mô tô BKS 76K1-099.05, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu S: Đỏ - Đen mua tại thời điểm 9/2017 có giá là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ đã thu giữ: 01 (một) xe mô tô BKS 76K1-099.05, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu S: Đỏ - Đen, đến ngày 01/02/2018 đã trao trả lại cho chủ sở hữu Phạm Văn B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N: đến nay bà đã được gia đình bị cáo hoàn trả lại số tiền 7.000.000 đồng tiền cầm cố xe mô tô nên không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh A T: vì không biết xe bị cáo Đinh Văn S cầm cố là do phạm tội mà có nên có đứng ra bảo lãnh cho Đinh Văn S, sau khi cầm cố xe bị cáo S có cho vợ chồng anh 200.000 đồng, nay anh tự nguyện nộp lại số tiền trên và không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 03/QĐ-VKS ngày 26 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố bị cáo Đinh Văn S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 01 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đinh Văn S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại Phạm Văn B: Đến nay đã nhận được tài sản và đã được gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng: khoản 1 điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đinh Văn S từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về dân sự đến nay gia đình bị cáo đã bồi thường xong, người bị hại và người liên quan không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với số tiền 200.000 đồng mà bị cáo cho vợ chồng A T đề nghị tịch thu sung ngân sách nhà nước

Ý kiến của người B chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Đinh Văn S từ 06 tháng tù đến 09 tháng.

Bị cáo không có tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng*: tại phiên tòa hôm nay người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N và vợ chồng anh A T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối bà Trần Thị N và vợ chồng anh A T.

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý B chữa cho bị cáo Đinh Văn S, bị cáo Đinh Văn S, người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Đinh Văn S Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Đinh Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: khoảng 09 giờ ngày 15/9/2017, để có tiền trả nợ cho T (không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể), ở Thành phố K, tỉnh Kon Tum, Đinh Văn S đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh Phạm Văn B mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Để thực hiện ý định của mình, Đinh Văn S đã tìm mọi cách rủ B đi nhậu để lựa thời cơ mượn xe mô tô BKS 76K1-099.05 của B đem đi cầm cố. Khi B đồng ý đến quán ông Lê Duy T nhậu với S, S đã nói dối B cho mượn xe đi lấy đồ tí để tạo lòng tin nên B tưởng thật và cho S mượn xe. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của B, S đã điều khiển đi về hướng xã T đến địa phận xã Ê, huyện K, Kon Tum và khi B gọi điện thoại đòi xe thì S đã liên tục nói dối B là đi lấy nợ để B tin. Đến 18 giờ ngày 16/9/2017, S đã nhờ A T đứng ra bảo lãnh cầm cố chiếc xe mô tô BKS 76K1-

099.05 của B với số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) để lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tư số 17/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2017 kết luận: xe mô tô BKS 76K1-099.05, có giá là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô xe mô tô BKS 76K1-099.05, có giá là: 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) của Đinh Văn S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 15/9/2017, do vậy tội phạm mà bị cáo Đinh Văn S đã thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Về tính chất của tội phạm bị cáo Đinh Văn S: bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng, bị cáo Đinh Văn S đã lợi dụng sự quen biết với anh Phạm Văn B dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Phạm Văn B để bán lấy tiền phục vụ mục đích cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, thể hiện ý thức xem thường pháp luật vậy cần phải xử lý nghiêm khắc phù hợp với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét nhân thân bị cáo Đinh Văn S thấy rằng: bị cáo có nhân thân xấu, ngày 08/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tư xử phạt 08 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Ngày 11/02/2015 bị Công an huyện Ba Tư xử phạt 2.000.000đ về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác. Mặc dù, bị cáo đã được xóa án tích và đến nay đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng điều đó chứng tỏ bị cáo không có ý thức tu dưỡng bản thân, không tuân thủ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với hành vi phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” có như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trước đó bị cáo đã có ý thức tác động người thân khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn bãi nại, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đồng thời ông nội của bị cáo Đinh Văn S (ông Đinh Văn T ở xã D, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) là người có công cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng tình tiết theo điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[5] Ngoài hình phạt chính, khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo Đinh Văn S điều kiện khó khăn không có khả năng thi hành hình phạt tiền nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về dân sự đến nay gia đình bị cáo đã bồi thường xong, người bị hại và người liên quan không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Đối với bà Trần Thị N là người đã chấp nhận cầm cố xe mô tô BKS 76K1-099.05 cho bị cáo với số tiền 7.000.000đồng. Quá trình điều tra xác định bà N không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô bị cáo mang đi cầm cố là do phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm của bà Nhung trong vụ án này là đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với anh A T là người đã đứng ra bảo lãnh cho bị cáo cầm cố chiếc xe trên. Quá trình điều tra xác định anh A T cũng không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô bị cáo mang đi cầm cố là do phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm của anh A T trong vụ án này là có cơ sở pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về vật chứng: ngày 01/02/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Ba Tơ đã trao trả xe mô tô BKS 76K1-099.05, nhãn hiệu: Yamaha, loại xe: Sirius, màu S: Đỏ - Đen cho chủ sở hữu hợp pháp Phạm Văn B là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) là tiền mà Đinh Văn S đã cho vợ chồng A T mỗi người 100.000đ (Một trăm ngàn đồng) sau khi cầm cố xe mô tô BKS 76K1-099.05. Xét đây là khoản tiền thu lợi bất chính vì vậy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Đinh Văn S phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Văn S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

2. Xử phạt bị cáo Đinh Văn S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đinh Văn S theo khoản 5 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 200.000đồng (hai trăm ngàn đồng) hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo giấy ủy nhiệm chi ngày 27/3/2018)

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đinh Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKS H.Ba Tơ;
- THA DS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người B chữa;
- Các đương sự;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Văn Ngoan